



## CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN LỐI SỐNG XANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

### FACTORS INFLUENCING THE GREEN LIFESTYLE AMONG STUDENTS AT BAC LIEU UNIVERSITY

Trần Thị Kim Ngân\*

Trường Đại học Bạc Liêu

\* [ttkngan@blu.edu.vn](mailto:ttkngan@blu.edu.vn)

Ngày nhận bài:

11/5/2025

Ngày chấp nhận đăng:

11/6/2025

#### ABSTRACT

*The study aims to identify and evaluate the extent of influence of factors affecting the green lifestyle among students at Bac Lieu University through direct and online surveys of 300 student respondents. Quantitative analysis methods using SPSS software were applied, including descriptive statistics, reliability assessment, exploratory factor analysis (EFA), and regression analysis to analyze the data. This is the first study at Bac Lieu University to identify factors influencing students' green lifestyles. The results show that the green lifestyle of Bac Lieu University students is impacted by six factors: life values and personal awareness, social environment and law, technology and innovation, personal preferences, income factors, and social interaction. All six factors positively affect students' green lifestyles, with life values and personal awareness being the strongest influencing factor.*

**Keywords:** Green lifestyle, students, Bac Lieu University.

#### TÓM TẮT

*Nghiên cứu nhằm xác định và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến lối sống xanh của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu thông khảo sát trực tiếp và online đối với 300 đối tượng là sinh viên của trường. Phương pháp phân tích định lượng thông qua việc sử dụng phần mềm SPSS: thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy, phân tích nhân tố khám phá EFA và phương pháp hồi quy được ứng dụng để phân tích số liệu. Đây là nghiên cứu đầu tiên tại Trường Đại học Bạc Liêu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lối sống xanh của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, lối sống xanh của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu chịu tác động từ 6 yếu tố như: Giá trị sống và nhận thức cá nhân, Môi trường xã hội và pháp luật, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở thích cá nhân, yếu tố thu nhập và tương tác xã hội, cả 6 yếu tố đều tác động tích cực đến lối sống xanh của sinh viên, trong đó yếu tố giá trị sống và nhận thức cá nhân là yếu tố tác động mạnh nhất.*

**Từ khóa:** Lối sống xanh, sinh viên, Trường Đại học Bạc Liêu.

## 1. Giới thiệu

Trước bối cảnh toàn cầu ngày càng quan tâm đến phát triển bền vững, lối sống xanh đã trở thành một định hướng sống tích cực được khuyến khích trong mọi tầng lớp xã hội, đặc biệt là trong giới trẻ. Lối sống xanh được hiểu là các hành vi sống thân thiện với môi trường như tiết kiệm năng lượng, tái chế, tiêu dùng xanh và tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Đối với sinh viên - lực lượng tri thức trẻ đang trong quá trình hình thành nhận thức và thói quen sống - việc thúc đẩy lối sống xanh không chỉ có ý nghĩa cá nhân mà còn góp phần tạo dựng nền tảng cho xã hội bền vững trong tương lai.

Ở Việt Nam, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021. Chiến lược này nhấn mạnh việc “xanh hóa lối sống” và thúc đẩy tiêu dùng bền vững, qua đó hình thành nếp sống hài hòa với thiên nhiên dựa trên giá trị truyền thống. Việc xây dựng đô thị, nông thôn mới và văn hóa tiêu dùng cũng được định hướng theo nguyên tắc tăng trưởng xanh và bền vững. Đây là nền tảng chính sách quan trọng cho các hoạt động giáo dục và tuyên truyền lối sống xanh trong cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ. Từ đó, chiến lược mở ra cơ hội để các trường đại học triển khai các chương trình giáo dục môi trường phù hợp với thực tiễn.

Trong khu vực Đông Nam Á, một số nghiên cứu gần đây đã bước đầu xác định những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sống xanh của sinh viên. Chẳng hạn, nghiên cứu của Nguyễn Thị Hương An và cộng sự (2022) tại Việt Nam và Malaysia chỉ ra rằng môi trường xã hội, gia đình và nhà trường đóng vai trò quan trọng trong định hướng hành vi sống xanh. Những yếu tố này tác động đến nhận thức, thái độ và hành động cụ thể của sinh viên đối với môi trường. Tương tự, Nguyễn Thanh Hằng và cộng sự (2025) khi khảo sát sinh viên Hà Nội cũng chỉ ra rằng nhận thức cá nhân, yếu tố pháp lý, công nghệ và sở thích cá nhân đều là những yếu tố quan trọng. Những phát hiện này giúp mở rộng hiểu biết về hành vi xanh trong bối cảnh giáo dục đại học.

Ngoài ra, nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoài An và cộng sự (2025) tập trung vào vai trò của nhận thức và thái độ trong hình thành hành vi sống xanh. Kết quả cho thấy giáo dục, truyền thông, gia đình và bạn bè có ảnh hưởng lớn đến sinh viên, dù mức độ tác động của từng yếu tố vẫn chưa được định lượng rõ ràng. Trong khi đó, Nguyễn Quỳnh Anh và cộng sự (2025) đã xây dựng mô hình gồm bảy yếu tố ảnh hưởng đến lối sống xanh của sinh viên Hà Nội, từ đó tạo nền tảng cho các nghiên cứu định lượng trong tương lai. Những công trình này góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc can thiệp giáo dục và chính sách thúc đẩy hành vi sống xanh trong giới trẻ.

Trên phạm vi toàn cầu, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh rằng nhận thức về môi trường, ảnh hưởng xã hội và giáo dục là những yếu tố chủ đạo định hình hành vi sống xanh. Theo Zheng và cộng sự (2023), các giá trị sống gắn liền với môi trường và hành vi công dân xanh đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ý thức trách nhiệm. Các yếu tố văn hóa như tôn giáo, chuẩn mực xã hội, cùng với các quy định pháp lý cũng góp phần định hướng hành vi (Cheng, Wu và cộng sự, 2021). Ngoài ra, công nghệ kỹ thuật số và đổi mới sáng tạo cũng đang góp phần nâng cao nhận thức và tạo thuận lợi cho việc áp dụng lối sống xanh trong cộng đồng (Li, Li và cộng sự, 2024).

Bên cạnh yếu tố xã hội và công nghệ, các đặc điểm cá nhân như sở thích, thu nhập và mức độ giao tiếp xã hội cũng ảnh hưởng đáng kể đến hành vi sống xanh. Người có thu nhập cao hơn thường có điều kiện tiếp cận sản phẩm xanh, trong khi giao tiếp xã hội tích cực giúp lan tỏa hành vi xanh trong cộng đồng (Cheng, Long và cộng sự, 2019; Han và Lee, 2022). Sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa cá nhân và cộng đồng là nền tảng để xây dựng chiến lược thay đổi hành vi bền vững. Qua đó, việc tạo môi trường thuận lợi về mặt xã hội và truyền thông sẽ có thể nâng cao hiệu quả giáo dục môi trường. Những yếu tố này cần được tích hợp trong các chương trình hành động cụ thể ở từng địa phương và cơ sở đào tạo.

Hiện nay, chưa có nghiên cứu nào được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lối sống xanh của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, lối sống xanh đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần bảo vệ môi trường và hướng tới phát triển bền vững. Sinh viên, với vai trò là lực lượng trí thức trẻ, chính là nhóm đối tượng có tiềm năng lan tỏa các hành vi sống thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhận thức và hành vi sống xanh của sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa đồng đều và chưa thực sự được hình thành rõ nét. Trường Đại học Bạc Liêu là một cơ sở giáo dục đa ngành, đã triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường, tuy nhiên chưa có cơ sở khoa học cụ thể để đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến việc hình thành lối sống xanh trong sinh viên. Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn trên, việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến lối sống xanh của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu là cần thiết, nhằm làm rõ cơ chế tác động của các yếu tố liên quan.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

### **2.1. Lý thuyết nền**

Theo Ajzen (1991), lý thuyết hành vi có kế hoạch cho rằng hành vi của một cá nhân được quyết định bởi ý định hành vi, trong đó ý định bị ảnh hưởng bởi ba yếu tố chính: Thái độ đối với hành vi, chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi. Trong bối cảnh lối sống xanh, sinh viên sẽ có xu hướng thực hiện các hành vi thân thiện với môi trường nếu họ: (1) Tin rằng điều đó mang lại lợi ích (thái độ), (2) Cảm nhận được áp lực tích cực từ bạn bè/xã hội (chuẩn mực xã hội), và (3) Tin rằng họ đủ khả năng để thực hiện (kiểm soát hành vi).

Theo Fishbein & Ajzen (1975) cho rằng hành vi được quyết định trực tiếp bởi ý định hành vi, và ý định lại bị ảnh hưởng bởi: Thái độ cá nhân đối với hành vi, chuẩn mực xã hội. Sinh viên sẽ lựa chọn sống xanh nếu họ có thái độ tích cực với hành vi này và cảm thấy hành vi đó được xã hội (bạn bè, gia đình) ủng hộ.

Theo Stern và cộng sự (1999), niềm tin môi trường và chuẩn mực cá nhân có thể hình thành từ giá trị sống (ví dụ: giá trị sinh thái, giá trị xã hội), từ đó thúc đẩy hành vi bảo vệ môi trường.

Sinh viên có giá trị sống tích cực (quan tâm đến cộng đồng, môi trường) sẽ dễ có ý thức và hành vi xanh hơn.

### **2.2. Khái niệm lối sống xanh**

Cho đến nay đã có nhiều công trình của các nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài nghiên cứu về lối sống xanh, tiếp cận đối tượng nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau như triết học, xã hội học, tâm lý học, kinh tế chính trị học, văn hóa học... và vì thế có nhiều định nghĩa khác nhau về phạm trù này.

Dưới góc độ văn hóa, lối sống xanh được hiểu là một biểu hiện của ý thức bảo vệ môi trường, trong đó con người chủ động cam kết sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện nhằm giảm thiểu khí thải nhà kính (Ha, Jeon và cộng sự, 2023). Không chỉ dừng lại ở việc tiết kiệm tài nguyên, lối sống xanh còn được mở rộng thành một lối sống tổng thể, hài hòa với thiên nhiên, phản ánh sự gắn kết giữa con người và môi trường tự nhiên.

Từ góc độ xã hội học, lối sống xanh được định nghĩa là sự kết hợp giữa thái độ, hành vi và các thực hành hướng tới việc bảo vệ môi trường, thể hiện qua những hành động cụ thể, điều đặn trong đời sống hằng ngày. Điều này bao gồm việc sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, tham gia các hoạt động xanh và áp dụng những thói quen tiêu dùng bền vững nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực lên hành tinh (Chuah và cộng sự, Zheng và cộng sự, 2023).

Theo Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) năm 2016, sống xanh là lối sống khiến chúng ta đưa ra những quyết định mang tính bền vững về mọi thứ trong cuộc sống, từ những gì chúng ta ăn, các chúng ta đi du lịch, mua sắm hay việc sử dụng và loại bỏ các vật dụng trong cuộc sống. Những lựa chọn hằng ngày của chúng ta có thể tạo một lối sống bền vững.

### **2.3. Khái niệm về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lối sống xanh**

*Thu nhập:* Theo Kotler và Keller (2016), thu nhập là tổng giá trị tiền tệ mà cá nhân hoặc hộ gia đình nhận được từ các nguồn khác nhau như lương, kinh doanh, đầu tư. Thu nhập ảnh hưởng

trực tiếp đến khả năng chi tiêu và lựa chọn tiêu dùng, trong đó có tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường.

*Môi trường xã hội và pháp luật:* Theo Ajzen (1991) và Stern và cộng sự (1999), môi trường xã hội và pháp luật bao gồm các chuẩn mực, quy định và sự giám sát xã hội tác động đến hành vi cá nhân. Môi trường tích cực và các quy định pháp lý rõ ràng sẽ khuyến khích cá nhân hành động theo hướng bền vững.

*Công nghệ và đổi mới sáng tạo:* Theo Rogers (2003), công nghệ và đổi mới sáng tạo là việc áp dụng các giải pháp kỹ thuật mới nhằm cải thiện hiệu quả và giảm tác động xấu đến môi trường, từ đó thúc đẩy các hành vi sống xanh.

*Tương tác xã hội:* Theo Bandura (1986), tương tác xã hội là quá trình trao đổi và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân trong các mối quan hệ xã hội, giúp hình thành và củng cố hành vi thông qua sự học hỏi và áp lực từ nhóm.

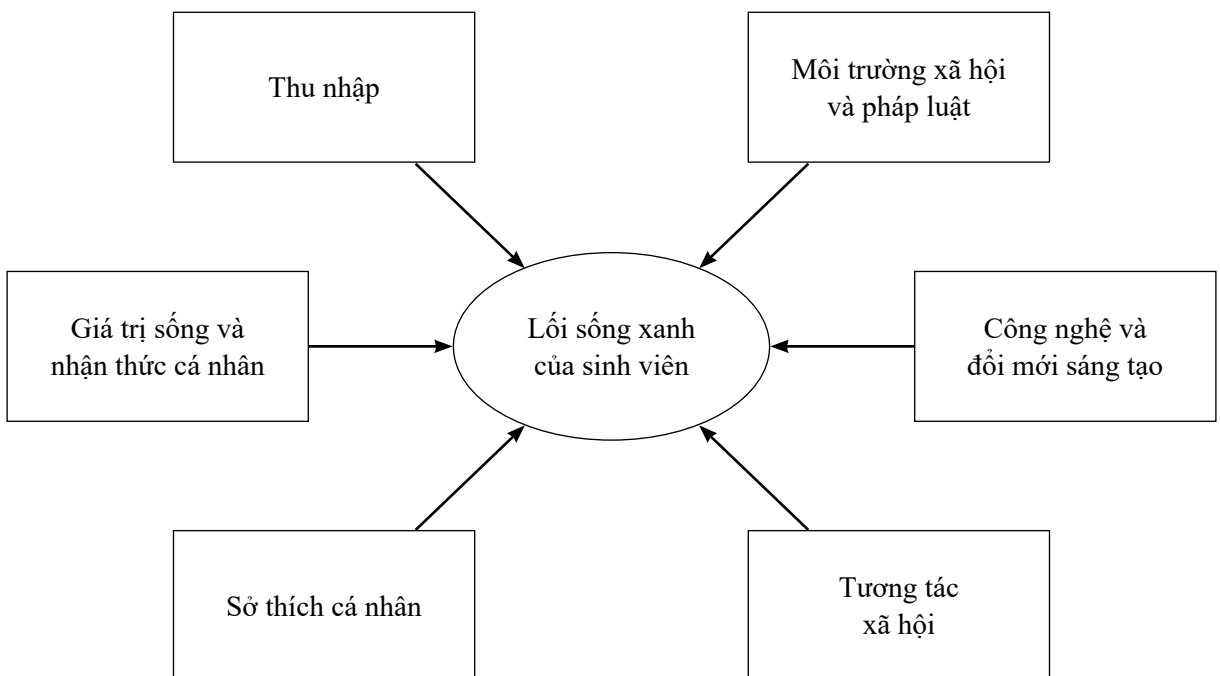
*Sở thích cá nhân:* Theo Schiffman và Kanuk (2007), sở thích cá nhân là những xu hướng và thói quen lựa chọn hành vi dựa trên cảm xúc và

nhu cầu cá nhân, ảnh hưởng đến quyết định tiêu dùng, bao gồm việc lựa chọn sản phẩm thân thiện với môi trường.

*Giá trị sống và nhận thức cá nhân:* Theo Schwartz (1992) và Stern và cộng sự (1999), giá trị sống là những niềm tin cơ bản định hướng hành vi cá nhân, trong khi nhận thức cá nhân thể hiện mức độ hiểu biết và quan tâm đến các vấn đề môi trường, là cơ sở thúc đẩy hành vi bảo vệ môi trường.

### 3. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào lý thuyết nền tảng và các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng lối sống xanh có vai trò quan trọng trong quá trình sinh sống và học tập của sinh viên. Kế thừa nghiên cứu của Nguyễn Thanh Hằng và cộng sự (2025) về các yếu tố ảnh hưởng đến lối sống xanh của sinh viên Hà Nội. (2025). Tác giả nhận thấy có 6 nhân tố ảnh hưởng đến lối sống xanh của sinh viên tại trường Đại học Bạc Liêu bao gồm: (1) Giá trị sống và Nhận thức các nhân, (2) Môi trường xã hội và pháp luật, (3) Công nghệ và đổi mới sáng tạo, (4) Sở thích cá nhân, (5) Yếu tố thu nhập, (6) Tương tác xã hội. Từ đó, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như hình 1.



*Nguồn: Tác giả nghiên cứu đề xuất*

**Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất**

#### 4. Phương pháp nghiên cứu

**4.1. Nghiên cứu định tính:** Phương pháp định tính được sử dụng nhằm khám phá và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lối sống xanh của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu, đồng thời hoàn thiện bộ thang đo trước khi khảo sát chính thức. Tác giả tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc với 4 người (2 giảng viên, 2 sinh viên) có kinh nghiệm và hiểu biết liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Sau đó, thảo luận nhóm được thực hiện để rà soát nội dung các biến quan sát, đảm bảo tính rõ ràng, phù hợp với ngữ cảnh và mục tiêu nghiên cứu.

**4.2. Nghiên cứu định lượng:** Trong nghiên cứu này, phương pháp định lượng được sử dụng nhằm kiểm định thang đo, mô hình nghiên cứu và các giả thuyết đặt ra. Sau khi hiệu chỉnh thang đo nháp, thang đo chính thức được kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm đánh giá tính hội

tụ, phân biệt và loại bỏ các biến không phù hợp. Tiếp theo, các biến đạt yêu cầu được đưa vào phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính bội nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hành vi sống xanh của sinh viên. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm Excel và SPSS 20, với quy trình gồm thống kê mô tả, EFA và hồi quy. Về xác định cỡ mẫu, dựa theo đề xuất của Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), với 24 biến quan sát, số mẫu tối thiểu là 120, tuy nhiên để tăng độ tin cậy, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát với 300 mẫu. Về phương pháp chọn mẫu, nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu phi xác suất, cụ thể là phương pháp chọn mẫu thuận tiện, nhằm thu thập dữ liệu từ các sinh viên đang học tập tại Trường Đại học Bạc Liêu một cách nhanh chóng và phù hợp với điều kiện thực tế của nghiên cứu.

#### 4.3. Tổng hợp và xây dựng thang đo nghiên cứu

**Bảng 1: Tổng hợp các biến và đo lường nghiên cứu**

Biến nghiên cứu	Nguồn thang đo	Các phát biểu/biến quan sát
Giá trị sống và nhận thức cá nhân	Nguyễn Thị Hương An và cộng sự (2024); Nguyễn Thanh Hằng và cộng sự (2025); Nguyễn Thị Hoài An và cộng sự (2025); (Zheng và cộng sự, 2023)	- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mỗi sinh viên - Lối sống xanh có tác động tích cực đến tương lai. - Việc thực hành lối sống xanh giúp bản thân sống có ý nghĩa hơn. - Tôi cảm thấy hạnh phúc khi tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.
Môi trường xã hội và pháp luật	Nguyễn Thị Hương An và cộng sự (2024); Nguyễn Thanh Hằng và cộng sự (2025); Nguyễn Thị Hoài An và cộng sự (2025); Cheng và cộng sự, 2021	- Tôi được khuyến khích sống xanh thông qua các hoạt động môi trường do trường tổ chức. - Tôi thấy bạn bè xung quanh có xu hướng thực hành lối sống thân thiện với môi trường. - Các quy định pháp luật hiện hành khiến tôi cân nhắc nhiều hơn về bảo vệ môi trường. - Gia đình, bạn bè của tôi khuyến khích tôi duy trì lối sống thân thiện với môi trường.
Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Nguyễn Thanh Hằng và cộng sự (2025); Li, Li và cộng sự (2022)	- Tôi thường sử dụng các ứng dụng để tìm kiếm thông tin về sản phẩm xanh hoặc tái chế. - Tôi quan tâm đến các sản phẩm công nghệ tiết kiệm năng lượng. - Tôi cảm thấy công nghệ giúp việc sống xanh trở nên dễ dàng và thú vị hơn.
Sở thích cá nhân	Nguyễn Thanh Hằng và cộng sự (2025)	- Tôi thích sử dụng sản phẩm tái chế hoặc thân thiện với môi trường. - Tôi ưu tiên lựa chọn thực phẩm hữu cơ hoặc ít gây tác động tiêu cực đến môi trường. - Tôi thích tìm hiểu và áp dụng các cách mới để bảo vệ môi trường trong cuộc sống hằng ngày.

Yếu tố thu nhập	Nguyễn Thanh Hằng và cộng sự (2025); Cheng, Long và cộng sự, (2019); Han và Lee (2022)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức chi tiêu của tôi đủ để mua sắm các sản phẩm thân thiện với môi trường.</li> <li>- Tôi sẵn sàng chi trả cao hơn để sử dụng các sản phẩm xanh.</li> <li>- Thu nhập của tôi không ảnh hưởng nhiều đến việc thực hành lối sống xanh.</li> <li>- Tôi cân nhắc chi phí trước khi mua các sản phẩm thân thiện với môi trường.</li> </ul>
Tương tác xã hội	Nguyễn Thị Hương An và cộng sự (2024); Nguyễn Thị Hoài An và cộng sự (2025); Nguyễn Quỳnh Anh và cộng sự (2025)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôi thường xuyên chia sẻ kiến thức hoặc thông tin về bảo vệ môi trường với người khác.</li> <li>- Tôi thích tham gia các cộng đồng hoặc nhóm có cùng mục tiêu bảo vệ môi trường.</li> <li>- Những người xung quanh tôi (bạn bè, gia đình) ảnh hưởng đến lối sống xanh của tôi.</li> </ul>
Hành vi lối sống xanh	Nguyễn Thị Hương An và cộng sự (2024); Nguyễn Thanh Hằng và cộng sự (2025); Nguyễn Thị Hoài An và cộng sự (2025); Nguyễn Quỳnh Anh và cộng sự (2025)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hành vi tiết kiệm tài nguyên và năng lượng (tắt đèn, máy tính, sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng).</li> <li>- Hành vi tiêu dùng bền vững (mua sản phẩm tái chế, sử dụng túi vải thay vì túi nhựa).</li> <li>- Hành vi phân loại và tái chế rác thải.</li> </ul>

*Nguồn: Tác giả tổng hợp*

## 5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 5.1. Thống kê mô tả

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua bảng câu hỏi khảo sát dưới hình thức online thông qua Google biểu mẫu đối với các cá nhân là sinh viên hiện đang học tập tại trường Đại học Bạc Liêu. Trong đó, Khoa Kinh tế và Luật chiếm 55%, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ chiếm 15%, Khoa Sư phạm chiếm 12%, Khoa Nông nghiệp và thủy sản chiếm 11% và Khoa Khoa học xã hội chiếm 7%. Thời gian khảo sát 15/04/2025 đến 1/5/2025.

### 5.2. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Với quy mô mẫu là 300 đơn vị, các thang đo hoàn chỉnh có hệ số Cronbach's Alpha  $\geq 0,6$ , cùng với các biến quan sát có Cronbach's Alpha nếu loại biến nhỏ hơn hệ số Cronbach's Alpha và hệ số tương quan tổng biến  $\geq 0,3$  sẽ được giữ lại làm thang đo chính thức cho bước tiếp theo.

Theo kết quả nghiên cứu, các thang đo: Giá trị sống và nhận thức cá nhân; Môi trường xã hội và pháp luật; Công nghệ và đổi mới sáng tạo; Sở thích cá nhân; yếu tố thu nhập và Tương tác xã hội đều thỏa mãn yêu cầu và tất cả các biến quan sát của các thang đo này đều đạt được độ tin cậy.

**Bảng 2: Hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo**

Biến quan sát	Biến đặt trưng	Cronbach's Alpha
Giá trị sống và nhận thức cá nhân	4	0,891
Môi trường xã hội và pháp luật	4	0,887
Công nghệ và đổi mới sáng tạo	3	0,918
Sở thích cá nhân	3	0,898
Yếu tố thu nhập	4	0,897
Tương tác xã hội	3	0,823

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả*

### 5.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

**Bảng 3: Hệ số KMO và kiểm định Bartlett**

Hệ số KMO		0,815
Kiểm định Bartlett	Approx. Chi-Square	4.604E3
	df	210
	Sig.	0,000

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả*

Kết quả Bảng 3 với KMO - 0,815 thỏa mãn của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu. Kiểm định điều kiện  $0,5 < KMO < 1$ , cho thấy EFA là thích hợp Bartlett có  $sig. < 0,01$ , các biến đặc trưng có tương để phân tích yếu tố ảnh hưởng đến lối sống xanh quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

**Bảng 4: Kết quả kiểm định phương sai trích**

Nhân tố	Hệ số Eigenvalues khởi tạo			Chỉ số sau khi trích			Chỉ số sau khi xoay		
	Tổng	% phương sai	Phương sai tích lũy %	Tổng	% phương sai	Phương sai tích lũy %	Tổng	% phương sai	Phương sai tích lũy %
1	6,380	30,380	30,380	6,380	30,380	30,380	3,100	14,763	14,763
2	3,292	15,674	46,054	3,292	15,674	46,054	3,061	14,574	29,337
3	2,546	12,123	58,177	2,546	12,123	58,177	3,019	14,376	43,713
4	1,832	8,726	66,903	1,832	8,726	66,903	2,594	12,353	56,066
5	1,464	6,971	73,874	1,464	6,971	73,874	2,514	11,971	68,037
<b>6</b>	<b>1,003</b>	<b>4,774</b>	<b>78,649</b>	<b>1,003</b>	<b>4,774</b>	<b>78,649</b>	<b>2,229</b>	<b>10,612</b>	<b>78,649</b>

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả*

Kết quả kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát trong mô hình cho thấy trị số phương sai trích là 78,649%, có nghĩa là 78,649% sự thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến đặc trưng trong mô hình.

**Bảng 5: Kết quả phân tích EFA**

Nhóm 1		Nhóm 2		Nhóm 3		Nhóm 4		Nhóm 5		Nhóm 6	
NTCN1	0,770	YTTN1	0,800	XHPL1	0,699	CNDM1	0,861	STCN1	0,816	TTXH1	0,797
NTCN2	0,932	YTTN2	0,875	XHPL2	0,908	CNDM2	0,885	STCN2	0,850	TTXH2	0,887
NTCN3	0,933	YTTN3	0,749	XHPL3	0,906	CNDM3	0,837	STCN3	0,880	TTXH3	0,830
NTCN4	0,787	YTTN4	0,765	XHPL4	0,886						

*Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả*

Kết quả đánh giá chất lượng thang đo ở bảng 5 cho thấy, có 6 nhóm định lượng được tổng hợp đưa vào chạy mô hình EFA. Các biến quan sát đều có trọng số  $> 0,5$ . Kết quả cho thấy có 21 biến quan sát được trích thành 6 nhóm yếu tố đại diện thỏa mãn đưa vào phân tích hồi quy.

### 5.4. Phân tích hồi quy

**Bảng 6: Kết quả hồi quy**

	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF
Constant	-2,534	0,370		-6,854	0,000		
NTCN	0,367	0,052	0,300	7,133	0,000	0,914	1,094
XHPL	0,378	0,068	0,235	5,595	0,000	0,913	1,095

CNDM	0,139	0,057	0,122	2,420	0,016	0,630	1,587
STCN	0,180	0,060	0,150	3,005	0,003	0,644	1,552
YTTN	0,363	0,090	0,229	4,054	0,000	0,505	1,979
TTXH	0,245	0,063	0,168	3,903	0,000	0,874	1,144

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả

Từ kết quả ở bảng 6, phương trình hồi quy chuẩn hóa phản ánh mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến lối sống xanh của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu như sau:

$$HVSX = 0,300NTCN + 0,229YTTN + 0,235XHPL + 0,122CNDM + 0,150STCN + 0,168TTXH + ei$$

Kết quả tại Bảng 6 cho thấy tất cả các biến đều có giá trị Sig. < 0,05. Điều này cho thấy các yếu tố gồm: Thu nhập, Sở thích cá nhân, Công

nghệ và đổi mới sáng tạo, Tương tác xã hội, Môi trường xã hội và pháp luật, Giá trị sống và nhận thức cá nhân có ảnh hưởng đáng kể đến lối sống xanh của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu với mức ý nghĩa 5% (độ tin cậy 95%). Bên cạnh đó, hệ số phóng đại phương sai (VIF) của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2, cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra trong mô hình.

### 5.5. Đánh giá mức độ giải thích của mô hình hồi quy

**Bảng 7: Tóm tắt mô hình**

R	R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> hiệu chỉnh	Sai số chuẩn ước tính	Thông kê thay đổi					Durbin-Watson
				R <sup>2</sup> thay đổi	F thay đổi	df1	df2	Sig. F thay đổi	
0,726 <sup>a</sup>	0,528	0,518	0,57697	0,528	54,568	6	293	0,000	2,178

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả

Bảng 7 cho thấy, giá trị Durbin-Watson = 2,178 nằm trong khoảng 1-3, như vậy mô hình không có tự tương quan bậc một giữa các sai số. Giá trị của Sig. của kiểm định F=0,000 < 0,005 cho thấy, mô hình hồi quy tuyến tính phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được. R<sup>2</sup> hiệu chỉnh

=0,528 thì có 52,8% thay đổi về lối sống xanh của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu được giải thích bởi các biến độc lập của mô hình.

### 5.6. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy

**Bảng 8: Phân tích phương sai**

Mô hình	Tổng bình phương	df	Mean Square	F	Sig.
Hồi quy	108,990	6	18,165	54,568	0,000 <sup>a</sup>
Phần dư	97,537	293	0,333		
Tổng	206,527	299			

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và tính toán của tác giả

Kết quả Bảng 8 với Sig. = 0,00, có thể kết luận, mô hình đưa ra phù hợp với dữ liệu thực tế. Nói cách khác, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc với mức độ tin cậy 99%.

### Thảo luận kết quả

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến cho thấy tất cả các yếu tố được đưa vào mô hình đều có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến hành

vi sống xanh của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu. Cụ thể, sáu yếu tố gồm: Giá trị sống và nhận thức cá nhân (NTCN), Môi trường xã hội và pháp luật (XHPL), Công nghệ và đổi mới sáng tạo (CNDM), Sở thích cá nhân (STCN), Yếu tố thu nhập (YTTN) và Tương tác xã hội (TTXH) đều có giá trị Sig. < 0,05. Điều này cho thấy mối quan hệ giữa các biến độc lập và hành vi sống xanh là đáng kể với mức ý nghĩa 5%.

Tương tác xã hội (TTXH) ( $\text{Beta} = 0,168$ ) cho thấy sự ảnh hưởng của bạn bè, người thân và các nhóm xã hội. Việc tham gia vào các nhóm, câu lạc bộ hoặc các chiến dịch cộng đồng về môi trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả các yếu tố được đưa vào mô hình đều có ảnh hưởng đáng kể đến hành vi sống xanh của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu. Điều này cho thấy hành vi sống xanh là kết quả của sự kết hợp nhiều yếu tố khác nhau, từ nhận thức, môi trường, công nghệ cho đến yếu tố cá nhân và xã hội.

Trong số đó, Giá trị sống và nhận thức cá nhân (NTCN) là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất với hệ số  $\text{Beta} = 0,300$ . Điều này cho thấy mức độ hiểu biết và ý thức của sinh viên về lối sống xanh đóng vai trò trung tâm trong việc hình thành hành vi thân thiện với môi trường. Khi sinh viên hiểu rõ về tác hại của ô nhiễm, biến đổi khí hậu và lợi ích của các hành động bảo vệ môi trường, họ sẽ có xu hướng hành động tích cực hơn.

Môi trường xã hội và pháp luật (XHPL) cũng có ảnh hưởng rõ rệt với  $\text{Beta} = 0,235$ . Đây là minh chứng cho thấy các quy định, chính sách cũng như sự quan sát từ cộng đồng xung quanh có tác động lớn đến hành vi cá nhân. Sinh viên sẽ dễ thực hiện lối sống xanh hơn nếu được sống trong môi trường có những chuẩn mực xã hội tích cực và sự hỗ trợ pháp lý rõ ràng.

Yếu tố thu nhập (YTTN) ( $\text{Beta} = 0,229$ ) phản ánh vai trò của điều kiện tài chính cá nhân và giá trị sống gắn liền với việc tiêu dùng có trách nhiệm. Sinh viên có mức thu nhập phù hợp và lý tưởng sống tích cực sẽ dễ dàng duy trì và phát triển lối sống xanh.

Mặc dù hai yếu tố Sở thích cá nhân (STCN) và Công nghệ và đổi mới sáng tạo (CNDM) có hệ số  $\text{Beta}$  thấp hơn, nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy rằng công nghệ, sáng tạo và sở thích cá nhân vẫn là những yếu tố hỗ trợ có giá trị trong quá trình hình thành hành vi, nhất là trong bối cảnh sinh viên ngày càng quan tâm đến xu hướng tiêu dùng xanh, ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường.

Từ đó có thể khẳng định rằng, hành vi sống xanh của sinh viên không hình thành đơn lẻ mà là

sản phẩm của sự tương tác liên ngành giữa yếu tố nhận thức, xã hội, cá nhân và công nghệ. Cụ thể, giá trị sống và nhận thức cá nhân được xác định là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất, điều này phù hợp với các nghiên cứu trước đây, nhấn mạnh tầm quan trọng của nhận thức và hiểu biết về môi trường trong việc hình thành hành vi bền vững. Các yếu tố khác như môi trường xã hội và pháp luật, tương tác xã hội cũng có ảnh hưởng đáng kể, điều này cho thấy sự tương tác giữa các yếu tố cá nhân và xã hội trong việc xây dựng một cộng đồng sinh viên có lối sống xanh. Mặc dù sở thích cá nhân và công nghệ có mức độ ảnh hưởng thấp hơn, nhưng chúng vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các hành vi bảo vệ môi trường trong giới trẻ.

## 6. Kết luận và hàm ý quản trị

Kết quả nghiên cứu cho thấy hành vi sống xanh của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, trong đó giá trị sống và nhận thức cá nhân là yếu tố có tác động mạnh nhất, tiếp theo là môi trường xã hội - pháp luật, thu nhập, tương tác xã hội, công nghệ - đổi mới sáng tạo và sở thích cá nhân. Điều này khẳng định rằng hành vi sống xanh không hình thành đơn lẻ mà là kết quả của sự phối hợp giữa nhận thức, yếu tố xã hội, cá nhân và công nghệ. Trên cơ sở đó, các nhà quản lý giáo dục và nhà hoạch định chính sách cần tập trung xây dựng các chương trình giáo dục nâng cao nhận thức về môi trường và giá trị sống bền vững cho sinh viên, tích hợp vào nội dung giảng dạy hoặc hoạt động ngoại khóa. Đồng thời, tạo dựng môi trường học tập thân thiện với sinh thái, khuyến khích sinh viên thực hành sống xanh ngay trong trường học thông qua các hoạt động như phân loại rác, giảm nhựa dùng một lần và tiêu dùng có trách nhiệm. Bên cạnh đó, cần thúc đẩy hoạt động cộng đồng, câu lạc bộ môi trường để tăng tính tương tác và lan tỏa hành vi tích cực trong sinh viên. Chính sách hỗ trợ tài chính hoặc ưu đãi giá cho các sản phẩm xanh cũng nên được xem xét để tạo điều kiện thực hiện hành vi xanh. Cuối cùng, việc ứng dụng công nghệ và truyền thông sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong việc truyền cảm hứng, nâng cao ý thức và hình thành hành vi sống xanh một cách bền vững trong giới trẻ hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ajzen, I. (1991). *The theory of planned behavior*. Organizational Behavior and Human Decision Processes, 50(2), 179-211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- Bandura, A. (1986). *Social foundations of thought and action: A social cognitive theory*. Prentice-Hall.
- Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA). (2016). *Green living: Make a difference in your world*. <https://www.epa.gov/greenliving>
- Cheng, M., Long, R., Chen, H., & Bai, Y. (2019). Social interaction and green behavior: Evidence from a survey in China. *Sustainable Development*, 27(6), 1091-1102. <https://doi.org/10.1002/sd.1952>
- Cheng, X., Wu, Y., Wang, X., & Liu, M. (2021). Cultural norms, legal systems and environmental behaviors: A comparative study. *Environmental Science & Policy*, 122, 45-54. <https://doi.org/10.1016/j.envsci.2021.04.007>
- Chuah, S. C., và cộng sự (2021), Impact of Green Human Resource Management Practices Towards Green Lifestyle and Job Performance, *Global Business Management*, 13, 13-23.
- Fishbein, M., & Ajzen, I. (1975). *Belief, attitude, intention, and behavior: An introduction to theory and research*. Addison-Wesley.
- Ha, H., Jeon, Y., & cộng sự. (2023). Cultural perspectives on green living and environmental responsibility. *Journal of Environmental Studies*, 42(3), 251-270.
- Han, H., & Lee, S. (2022). Social influence and pro-environmental behavior: A systematic review. *Journal of Environmental Psychology*, 79, 101725. <https://doi.org/10.1016/j.jenvp.2021.101725>
- Hoàng, T., & Chu, M. N. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Hồng Đức.
- Li, J., Li, S., Zhang, Y., & Wang, H. (2024). Digital innovation and green lifestyle: The moderating role of environmental awareness. *Technological Forecasting and Social Change*, 198, 122981. <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2023.122981>
- Nguyễn, Q. A., Nguyễn, T. H. A., & Nguyễn, V. H. (2025). Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến lối sống xanh của sinh viên Hà Nội. *Trường Đại học Mở Hà Nội*, 19-27. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.520>
- Nguyễn, T. H. A., & Nguyễn, T. H. A. (2025). Nhận thức và thái độ của sinh viên tại Hà Nội về lối sống xanh. *Trường Đại học Mở Hà Nội*, 10-18. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.519>
- Nguyễn, T. H., & Nguyễn, T. M. H. (2025). Các yếu tố ảnh hưởng đến lối sống xanh của sinh viên Hà Nội. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (1), 1-11. e-ISSN: 2734-9365.
- Nguyễn, T. H. A., Osman, Z., Suhandoko, A. D. J., Serano, J., & Intaratat, K. (2022). Social environmental factors affecting students' green living behaviour: A cross-country empirical study at ASEAN. *SSRN*. [http://papers.ssrn.com/sol3/paper.cfm?abstract\\_id=5019607](http://papers.ssrn.com/sol3/paper.cfm?abstract_id=5019607)
- Rogers, E. M. (2003). *Diffusion of innovations* (5th ed.). Free Press.
- Schiffman, L. G., & Kanuk, L. L. (2007). *Consumer behavior* (10th ed.). Pearson Education.
- Schwartz, S. H. (1992). Universals in the content and structure of values: Theoretical advances and empirical tests in 20 countries. In M. Zanna (Ed.), *Advances in experimental social psychology* (Vol. 25, pp. 1-65). Academic Press.
- Stern, P. C., Dietz, T., Abel, T., Guagnano, G. A., & Kalof, L. (1999). *A value-belief-norm theory of support for social movements: The case of environmentalism*. Human Ecology Review, 6(2), 81-97.
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050. Văn phòng Chính phủ, Hà Nội, Việt Nam.
- Zheng, Y., Wan, Z., & Zhou, M. (2023). Green values and environmental citizenship: Understanding sustainable behavior from a values-based perspective. *Journal of Cleaner Production*, 412, 137327. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2023.137327>